

Bản án số: 121/2019/HS-ST
Ngày: 16-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Thông

Ông Nguyễn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Lê Hải Lý

Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phong Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1456/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Bích T; sinh năm: 1989, tại Phú Yên; đăng ký thường trú: khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: làm công; trình độ văn hóa (H vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C và bà Văn Thị C (chết); có chồng và 01 con sinh năm 2012; tiền sự: không có; tiền án: không có; bị cáo tại ngoại;

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Nguyễn Quốc D (Nguyễn Mike); quốc tịch: Việt Nam, Hoa Kỳ; sinh năm: 1972;

Nơi cư trú: 37 đường số 1, khu dân cư G, xã P, huyện B, Thành phố H;
Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1995;
Nơi cư trú: khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh P;
Vắng mặt.

2. Anh Hoàng Lê Thiện T, sinh năm: 1993;
Nơi cư trú: nhà trọ lô 18, khu phố 1, phường P, Quận C, Thành phố H;
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo và ông Nguyễn Quốc D (tên gọi khác là Nguyễn Mike, có hai quốc tịch: Việt Nam và Mỹ) quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook từ khoảng đầu năm 2017 và cả hai có gặp nhau vào ngày 22/02/2018. Tối ngày 24/02/2018, bị cáo và ông D cùng đi dự tiệc, đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 25/02/2018, do thấy bị cáo say xỉn nên ông D có đưa bị cáo về nghỉ lại tại công ty (địa chỉ: 37 đường số 1, khu dân cư G, xã P, huyện B, Thành phố H); bị cáo nằm ngủ trên ghế salon phòng khách ở tầng trệt, còn ông D thì lên ngủ tại phòng riêng ở tầng 1. Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo tỉnh dậy đi lên phòng ngủ của ông D. Khi vào phòng, thấy ông D đang nằm ngủ trên giường, bên cạnh có 01 bóp da, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus; bị cáo lấy hai chiếc điện thoại, xuống tầng trệt bỏ vào túi xách, khóa cửa nhà rồi chạy xe máy về phòng trọ tại Quận 9. Khi phát hiện bị mất tài sản, ông D có liên lạc hỏi bị cáo nhưng bị cáo nói không biết và gợi ý ông D nhắn tin vào hai điện thoại bị mất để xin chuộc lại. Sau đó, bị cáo gọi điện thoại cho em trai là Nguyễn Hữu H ở Phú Yên, nói là có lượm được hai chiếc điện thoại, kêu H vào Thành phố Hồ Chí Minh giúp bị cáo đi giao cho người bị mất chuộc lại với giá 12.000.000 đồng và H đồng ý.

Khoảng 10 giờ ngày 27/02/2018, phía công ty lắp đặt camera an ninh của công ty ông D trích xuất được hình ảnh rạng sáng ngày 25/02/2018 và ông D biết được bị cáo là người lấy tài sản. Khoảng 14 giờ cùng ngày, H điện thoại cho ông D, nói theo sự hướng dẫn của bị cáo là đồng ý cho ông D chuộc lại hai chiếc điện thoại với giá 12.000.000 đồng và sau đó ông D đã đến cơ quan công an trình báo sự việc. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo mượn chiếc xe máy biển số 60B3-XXX.YY của anh Hoàng Lê Thiện T đưa cho H cùng với hai chiếc điện thoại, còn bị cáo thì đi đến nhà ông D. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, tại giao lộ D2 - Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, khi H đang giao cho ông D hai chiếc điện thoại thì bị công an tạm giữ đưa về trụ sở công an làm việc.

Tại cơ quan công an, ban đầu bị cáo thừa nhận việc chiếm đoạt tài sản của ông D, nhưng sau đó thay đổi lời khai, cho rằng do ghen tuông nên mới lấy điện thoại để kiểm tra và theo dõi ông D. Nguyễn Hữu H khai chỉ làm theo sự hướng dẫn của bị cáo, không biết đây là tài sản do phạm tội mà có.

Tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Quốc D (Nguyễn Mike) là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, theo kết luận định giá thì các tài sản này trị giá 10.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Bích T về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-P2 ngày 16 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích T tội danh “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội, giữ quan điểm như truy tố, nêu lên các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, bị hại - ông Nguyễn Quốc D (Nguyễn Mike) - không có yêu cầu bồi thường, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng nêu, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị Bích T phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định, vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 25/02/2018, tại phòng ngủ tầng 1 nhà số 37 đường số 1, khu dân cư G, xã P, huyện B, Thành phố H, bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, rồi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus của ông Nguyễn Quốc D (Nguyễn Mike). Theo Kết luận định giá tài sản số 401/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thì chiếc hai điện thoại này trị giá 10.000.000 đồng.

[3] Hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút tiếp cận rồi chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị như nêu trên mà bị cáo thực hiện, đã đầy

đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo tội danh “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên có lỗi cố ý trực tiếp; vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, vì tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “thành khẩn khai báo”; “ăn năn hối cải”; bị hại xin bãi nại cho bị cáo. Những tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án và trách nhiệm dân sự:

- 01 điện thoại di động hiệu Philips, 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave RSX biển số 60B3-XXX.YY: xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Hữu H và anh Hoàng Lê Thiện T.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus: là tài sản bị chiếm đoạt, đã được thu hồi trả lại cho bị hại - ông Nguyễn Quốc D (Nguyễn Mike), việc giao trả này là đúng. Đồng thời, bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét tính chất, mức độ phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày 16/4/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh P giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

3. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Có giải thích chế định án treo cho bị cáo.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự (3)
- THAHS TP.HCM; (2)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Toại